TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06/02/2026 .
"Về việc Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thị Yến;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Văn Thiệu, cán bộ hưu trí tại xã Nhân Nghĩa, tỉnh Phú Thọ
2. Bà Đinh Thị Phong, cán bộ hưu trí tại xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ.
- ***Thư ký phiên toà***: Tăng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Linh Chi - Kiểm sát viên;

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, xử sơ thẩm vụ án ly hôn thụ lý số 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1988 (*Có mặt*)

- Bị đơn: Anh **Đinh Văn B**, sinh năm 1986 (*Vắng mặt không có lý do*);

Cùng đăng ký HKTT tại Xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng và thi hành án: Ông Nguyễn Việt P – Phó Giám đốc phòng Giao dịch huyện Tân Lạc (*Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2025 và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đinh Văn B là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 25/6/2007 tại UBND xã P, huyện T, Hoà Bình cũ, nay là xã M, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống xảy ra rất nhiều mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế, vợ chồng thường

xuyên cãi vã. Anh B là người gia trưởng, nóng tính, đã nhiều lần đánh chị T. Đỉnh điểm là khoảng tháng 7/2025, chị phải phải nhập viện điều trị do bị đánh gãy xương sườn. Công an xã Phú Vinh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình cũ đã triệu tập anh B lên làm việc, giáo dục. Cuộc sống hôn nhân bạo lực khiến chị T bị ảnh hưởng nghiêm trọng cả về thể xác lẫn tinh thần. Nhiều năm chịu đựng, chị T không còn chút tình cảm nào với anh B nữa. Chị T đã đi làm xa nhà và sống ly thân với anh B từ tháng 7 năm 2025 đến nay, hôn nhân không thể hàn gắn nữa. Nay đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị L sinh ngày 08/10/2007 và Đinh Hùng H sinh ngày 11/7/2014. Cháu L đã thành niên hiện đang đi làm công nhân ở Bắc Ninh nên đề nghị Toà án xem xét. Cháu H đang học lớp 6 tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở P – xã Mường Hoa, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn, chị T đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H phù hợp với nguyện vọng của cháu H muốn ở với mẹ, chị T chưa đề nghị anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ và anh B đã thể hiện quan điểm đồng ý với nguyện vọng của con tại bản tự khai trong hồ sơ vụ án.

Về tài sản chung: Chị T và anh B có nhà đất, các vật dụng sinh hoạt chung tại xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ nhưng chị T không yêu cầu Toà án giải quyết. Để lại toàn bộ cho anh B sở hữu, sử dụng và có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản vay chung cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Tân Lạc khi đến hạn thanh toán.

Về công nợ chung: Chị T và anh B có vay Ngân hàng chính sách xã hội tại Phòng giao dịch Tân Lạc hai khoản vay gồm:

1/ Năm 2020 vay chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường số tiền 12.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là tháng 11 năm 2025;

2/ Năm 2024 vay chương trình hộ nghèo số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là năm 2029.

Hai khoản vay trên, anh B đại diện gia đình đứng ra vay, tài sản chung chị T không yêu cầu phân chia, để lại toàn bộ cho anh B sở hữu, sử dụng nên đề nghị anh B có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng cả nợ gốc và lãi khi đến kì trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng nêu quan điểm yêu cầu anh B là người có trách nhiệm trả hai khoản vay, chị T và Ngân hàng đã thống nhất về người có nghĩa vụ trả hai khoản vay tổng cộng là 32.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị ly hôn với anh Đinh Văn B.

Bị đơn anh Đinh Văn B: Trong quá trình giải quyết vụ án chỉ đến Toà án cung cấp lời khai 01 lần, còn lại vắng mặt, không tham gia tố tụng, mặc dù đã được tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập làm việc nhiều lần.

Theo bản tự khai, anh B thừa nhận anh và chị T là vợ chồng hợp pháp, có 02 con chung như chị T trình bày; Anh B thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do kinh tế thiếu thốn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh B nóng tính nhiều lần không kiềm chế đã đánh chị T nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị T, mong muốn chị T cho cơ hội để cùng nhau vun đắp tình cảm gia đình.

Về con chung, tài sản và công nợ, anh B trình bày và xác nhận như chị T trình bày. Về hai khoản vay Ngân hàng anh B có quan điểm ai sở hữu tài sản thì người đó phải có trách nhiệm trả nợ. Anh B là người thường xuyên cư trú trên địa bàn và hiện đang quản lý, sử dụng tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội trong quá trình tố tụng cho rằng: Về quan hệ hôn nhân, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh B, Ngân hàng không có ý kiến gì. Đề nghị Toà án xem xét, giải quyết ly hôn theo pháp luật.

Về hai khoản nợ vay tại ngân hàng Chính sách đúng như chị T đã trình bày, anh B là người đứng tên vay, trong thời gian qua anh B thực hiện nghĩa vụ đầy đủ với Ngân hàng. Theo ý kiến của nguyên đơn để lại toàn bộ tài sản cho anh B sử dụng, sở hữu, nên Ngân hàng đồng ý với ý kiến của chị T, đề nghị anh B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi của 02 khoản vay, anh B cũng có lời khai ai quản lý, sử dụng tài sản chung sẽ có nghĩa vụ trả nợ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của các đương sự, xác định: Chị T và anh B là vợ chồng hợp pháp, có 02 con như các đương sự đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh B đánh chị T nhiều lần. Gần đây nhất, khoảng tháng 7 năm 2025, chị T bị đánh gãy xương sườn, phải nhập viện cấp cứu. Về tài sản và công nợ chung, chính quyền cung cấp thông như các đương sự trình bày. Ngoài ra, Toà án cũng thu thập lời khai của cháu Đinh Hùng H về nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng bố hay mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Cháu H cho biết cháu mong muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, không thay đổi, bổ sung hoặc rút một phần đơn khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do, cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Ngân hàng Chính sách có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm tại bản tự khai, biên bản phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải như đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát cho rằng bị đơn đã được tống đạt giấy triệu tập hợp pháp nhiều lần, nhưng vắng mặt, nên áp dụng các điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn. Xét quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị Bùi Thị T và anh Đinh Văn B đã trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, đã ly thân từ tháng 7 năm 2025, không có khả năng hàn gắn nên đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T ly hôn với anh B.

Con chung của hai vợ chồng là cháu Đinh Thị L đã trưởng thành không đề cập giải quyết; Cháu Đinh Hùng H có nguyện vọng được ở với mẹ, xét chị T mong muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, anh B cũng đồng ý không có ý kiến gì về việc con ở cùng ai, nên đề nghị HĐXX giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp.

Về tài sản chung các đương sự từ thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Công nợ chung: Chị T, anh B thừa nhận có nợ ngân hàng Chính sách hai khoản vay, tổng là 32.000.000 đồng, chưa đến thời hạn trả nợ. Chị T không yêu cầu chia tài sản chung, để lại toàn bộ cho anh B sở hữu, sử dụng, Ngân hàng nêu ý kiến yêu cầu người sở hữu, sử dụng tài sản có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, anh T không có ý kiến khác, nên đề nghị HĐXX giao trách nhiệm trả nợ toàn bộ số nợ gốc và lãi của hai khoản vay cho anh B khi đến hạn thanh toán. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiến nghị: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Bùi Thị T với bị đơn là anh Đinh Văn B, anh B cư trú tại xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Nhưng tại phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn anh Đinh Văn B vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh B đã nhận văn bản và biết chị T kiện xin ly hôn nhưng anh B không đến làm việc. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất, do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án đã phải hoãn phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa lần thứ hai. Nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Đinh Văn B là hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình ngày 25/6/2007.

Nguyên nhân ly hôn, theo chị T trình bày do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài, xảy ra bạo lực gia đình ngày càng trầm trọng, không hạnh phúc; Chị T và anh B đã sống ly thân kéo dài; cuộc sống chung thực tế không còn tồn tại. Nay chị T xin được ly hôn là phù hợp căn cứ luật định, nên được chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành xác minh thực trạng hôn nhân giữa chị T và anh B tại chính quyền địa phương cho thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh B chung sống với nhau tại xóm T, xã P, huyện T nay là xã M, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống xảy ra rất nhiều mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế, anh B là người gia trưởng, nóng tính đã nhiều lần đánh đập chị T, tháng 7 năm 2025 anh B đánh chị T gẫy xương sườn phải đi điều trị, Công an xã đã triệu tập anh B lên làm việc và giáo dục. Anh B hiện nay hộ khẩu đăng ký ở địa phương. Về tài sản chung vợ chồng có nhà đất tại xóm T, xã M. Về công nợ theo tổ cho vay vốn của xã thì hộ anh B chị T có vay Ngân hàng CSXH Tân Lạc số tiền tổng là 32.000.000đồng.

Xét thấy, vợ chồng chị T và anh B không còn có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, anh B đã sử dụng bạo lực, đánh đập chị T nhiều lần làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của chị T, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh B có hia con nuôi chung tên là Đinh Thị L, sinh năm 2007 đã trưởng thành, cháu Đinh Hùng H sinh năm 2014, hiện đang đi học và có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Xét nguyện vọng và yêu cầu khởi kiện của chị T nhận thấy. Từ khi còn chung sống chị T là người chăm chỉ làm ăn nuôi con và quan tâm chăm sóc nuôi dậy con chung. Xét hoàn cảnh thực tế anh B là người gia trưởng, nóng tính hay sử dụng bạo lực với chị T, cháu H cũng đã nhiều lần chứng kiến, để đảm bảo con chung được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần nên giao con chung cho người mẹ là chị T nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp có căn cứ. Chị T chưa yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Căn cứ các ý kiến của đương sự, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CSXH Tân Lạc đã nêu; Xét hoàn cảnh thực tế của nguyên đơn, bị đơn,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị T và anh B giao tài sản chung cho anh B sử dụng toàn bộ tài sản sau khi ly hôn, nên giao trách nhiệm cho anh B có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất 02 khoản vay tổng cộng là 32.000.000đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội là có căn cứ.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đinh Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là Đinh Hùng H, sinh ngày 11/7/2014 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T chưa yêu cầu anh Đinh Văn B cấp dưỡng nuôi con.

3. Về công nợ chung: Anh Đinh Văn B có nghĩa vụ trả gốc và lãi xuất 02 khoản vay cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Tân Lạc bao gồm:

- Vay chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường số tiền 12.000.000đồng (*Mười hai triệu*) đồng;

- Vay chương trình hộ nghèo số tiền 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu*) đồng, thời hạn trả nợ là năm 2029. Tổng cộng 32.000.000đồng (*Ba mươi hai triệu*) đồng.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền chị Bùi Thị T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tại biên lai thu tiền số 0003103 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để xin xét xử phúc thẩm. Anh Đinh

Văn B vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo cùng thời hạn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ
- VKSND khu vực 15 – Phú Thọ
- THADS tỉnh; Phòng THADS khu vực 15
- UBND xã Mường Hoa, Phú Thọ.
- Các đương sự;
- Lưu HS + VT + LT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Yến